

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ NIH BÌNH  
TỈNH NB**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/DS - ST  
Ngày: 21 tháng 6 năm 2022  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NB, TỈNH NB**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Diệu Oanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hoàng Thị Phụng

Bà Quách Thị Thu Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tô Thị Phương Liên là thư ký Tòa án nhân dân thành phố NB.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NB tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố NB, tỉnh NB xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXX-ST ngày 08 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2022, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 481/2022/TB-TA ngày 27 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị Th, sinh năm 1974, địa chỉ cư trú: Xóm C, xã K, huyện YK, tỉnh NB.

**2. Bị đơn:** Chị Vũ Thị Kim D, sinh năm 1980, địa chỉ cư trú: Số nhà 07, ngõ 6, phố Đ, phường NB, thành phố NB, tỉnh NB.

**3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Phạm Văn H, sinh năm 1975, địa chỉ cư trú: Xóm C, xã K, huyện YK, tỉnh NB.

Người đại diện theo ủy quyền của anh H: Chị Bùi Thị Th (Văn bản ủy quyền ngày 24/01/2022)

- Anh Nguyễn Minh L, sinh năm 1976, địa chỉ cư trú: Số nhà 07, ngõ 6, phố Đ, phường NB, thành phố NB, tỉnh NB.

#### **4. Người làm chứng:**

- Anh Lê Xuân H1, sinh năm 1995, địa chỉ cư trú: đường N, thôn KT, xã NP, thành phố NB, tỉnh NB.

Tại phiên tòa: Có mặt chị Th, vắng mặt: Chị D, anh H, anh L, anh H1 (Anh H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại Đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 7 năm 2021, Đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 10/8/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị Th trình bày:* Chị Bùi Thị Th quen biết với chị Vũ Thị Kim D qua anh Phạm Văn T (Anh T cho chị D số điện thoại của chị Th). Ngày 4/7/2021, chị D gọi điện thoại cho chị Th hỏi vay số tiền 460.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, hẹn hai hoặc ba ngày sau sẽ trả; chị Th đồng ý. Chị D hẹn chị Th đầu giờ chiều cùng ngày đến quán cà phê Bắc Trần gặp nhau để chị D dẫn đến nhà chơi cho biết nhà. Khoảng 13 giờ cùng ngày, chị Th cùng anh Lê Xuân H1 đến quán cà phê gặp chị D. Tại quán cà phê, chị D bảo chị Th viết giấy nợ và hỏi có tiền ở đây chưa; chị Th hỏi anh H1 xem có tiền chưa vì anh H1 đang vay tiền chị Th và chị Th sẽ lấy số tiền anh H1 đang nợ để chuyển cho chị D vay, anh H1 nói phải đến trưa mai mới trả được tiền cho chị Th. Chị D nhờ anh H1 viết giấy vay tiền và đọc thông tin cho anh H1 viết, anh H1 viết giấy vay vốn làm ăn và đưa cho chị Th và chị D ký. Tại giấy vay vốn làm ăn, hai bên thỏa thuận, chị Th cho chị D vay số tiền 460.000.000 đồng, hẹn một tuần kể từ ngày 5/7/2021 đến ngày 12/7/2021 chị D trả đủ số tiền vay, chị D cam kết nếu không trả đúng hạn sẽ chịu mọi trách nhiệm pháp luật quy định. Chị Th cho chị D vay tiền không có thế chấp, không lãi xuất, số tiền cho chị D vay là tài sản chung của hai vợ chồng chị Th. Trưa ngày 5/7/2021 chị Th gọi điện thoại cho anh H1 hỏi anh H1 đã chuyển tiền cho chị D chưa, anh H1 bảo đã chuyển tiền vào tài khoản của chị D rồi. Đến 2, 3 ngày sau, chị Th lên nhà hỏi nợ thì chị D cùng chồng khát nợ hẹn mấy ngày nữa sẽ rút tiền ngân hàng trả. Sau đó chị Th có lên nhà tìm gặp chị D thì chị D tiếp tục khát nợ. Đến lần thứ ba, khi chị Th lên nhà tìm gặp chị D đòi nợ thì mẹ chồng chị D nói không biết chị D đi đâu, chị Th gọi điện thoại thì thuê bao không liên lạc được. Cho đến nay chị D không thực hiện cam kết trả nợ là vi phạm thỏa thuận, chị Th đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị D phải trả số tiền vay là 460.000.000 đồng và số tiền lãi theo quy định của pháp luật, thời gian tính lãi từ ngày 14/7/2021 đến khi chị D trả hết số nợ trên.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố NB, tỉnh NB đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho bị đơn chị Vũ Thị Kim D và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Minh L: Thông báo thụ lý vụ án, Đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo, tài liệu nguyên đơn giao nộp cho Tòa án; Thông báo yêu cầu thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ và nhiều lần triệu tập chị D, anh L đến làm việc nhưng chị D, anh L không đến Tòa án làm việc; không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập, không có ý kiến gì đối với các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

*Tại bản tường trình, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn H trình bày:* Anh và vợ là chị Bùi Thị Th có cho chị Vũ Thị Kim D vay số tiền 460.000.000 đồng. Thời gian cho vay anh không có ở nhà mà chỉ nghe chị Th kể lại việc cho chị D vay tiền. Sau đó anh và chị Th có lên nhà chị D đòi nợ, vợ chồng chị D khát nợ một tuần nhưng sau đó không trả. Người đại diện theo ủy quyền của anh H xác định anh H không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Tại Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai ngày ngày 24/1/2021 người làm chứng anh Lê Xuân H1 khai: Chiều ngày 4/7/2021 chị Bùi Thị Th gọi anh ra quán cà phê, khi anh ra đến quán thì gặp chị Th và chị D đang ngồi nói chuyện về việc chị D muốn vay chị Th số tiền 460.000.000 đồng. Do anh đang nợ tiền của chị Th nên chị Th nói anh chuyển trả tiền chị Th vào tài khoản của chị D để chị Th cho chị D vay, anh nhất trí chuyển tiền vào tài khoản của chị D. Chị Th và chị D bảo không biết viết giấy vay tiền và nhờ anh viết hộ, hai bên thống nhất ghi ngày trong giấy vay tiền là ngày 5/7/2021 tức là ngày giao tiền, nội dung giấy do cả chị D và chị Th cùng đọc cho anh viết, sau đó cả hai chị trực tiếp ký luôn vào giấy vay vốn làm ăn trước mặt anh. Đến sáng ngày 5/7/2021, chị Th gọi điện cho anh bảo chuyển tiền cho chị D, anh đã sử dụng tài khoản số 48310000729925 tại ngân hàng BIDV chuyển tiền sang số tài khoản số 12010005959767 tại Ngân hàng BIDV chi nhánh NB phòng giao dịch Đông Đô của chị D hai lần tổng số tiền là 460.000.000 đồng. Sau khi chuyển xong, anh gọi điện cho chị D kiểm tra thì chị D xác nhận đã nhận được tiền anh chuyển vào tài khoản, anh gọi lại cho chị Th thông báo việc đã chuyển số tiền 460.000.000 đồng chị Th cho chị D vay vào tài khoản của chị D.

Tại Biên bản xác minh ngày 16/12/2021, Công an phường NB, thành phố NB cung cấp: Chị Vũ Thị Kim D, sinh năm 1980, có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số nhà 07, ngõ 6, phố Đ, phường NB, thành phố NB, tỉnh NB. Tại địa chỉ này thực tế còn có: Bà Nguyễn Thị L là mẹ chồng chị D, anh Nguyễn Minh L là chồng chị D và hai con chị D. Tại thời điểm Công an phường NB xác nhận nơi cư trú của chị D theo đề nghị của bà Bùi Thị Th chị D vẫn đang cư trú tại địa chỉ trên. Tuy nhiên từ sau ngày 10/9/2021 và cho đến hiện nay chị D không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu làm gì, không rõ thời điểm trở về.

Tại Xác nhận thông tin về cư trú số 48/XN-CAP của Công an phường NB xác nhận: Chị Vũ thị Kim D, sinh ngày 20/11/1980, số định danh cá nhân: 037180000352.

Tại Công văn số 205/CV-BIDV.NB ngày 25/02/2022 Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh NB cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản của chị Vũ Thị Kim D (CCCD: 037180000352) số tài khoản VNĐ: 1201.000.5959767; anh Vũ Xuân H1 (CCCD: 037095001560), số tài khoản VNĐ: 4831.0000.729925, số tài khoản VNĐ: 4831.0000.732437. Ngày 5/7/2021 tài khoản số 4831.0000.729925 chuyển đến tài khoản 1201.000.5959767 hai lần: lần 1 số tiền 300.000.000 đồng, lần 2 số tiền 160.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Vũ Thị Kim D phải trả cho vợ chồng chị Th số tiền nợ gốc là 460.000.000 đồng, và số tiền lãi theo mức lãi xuất 10%/năm, thời hạn tính lãi kể từ ngày 14/7/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 21/6/2022, số tiền lãi là 43.227.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NB, tỉnh NB tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng. Đối với các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Minh L chưa thực hiện quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự, không chấp hành văn bản tố tụng của Tòa án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 117, Điều 119, Điều 463, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 của BLDS năm 2015; khoản 1 Điều 5, điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Th đối với chị Vũ Thị Kim D về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”:

Buộc chị Vũ Thị Kim D phải trả cho chị Bùi Thị Th và anh Phạm Văn H số tiền nợ gốc 460.000.000 đồng và số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 21/6/2022 là 43.227.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Th không phải nộp án phí và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Chị Vũ Thị Kim D phải nộp án phí 24.129.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NB, Tòa án nhân dân thành phố NB nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Bùi Thị Th khởi kiện yêu cầu chị Vũ Thị Kim D phải trả số tiền vay theo thỏa thuận tại giấy cam kết tài sản ngày 5/7/2021, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Thẩm quyền: Tại thời điểm giao kết hợp đồng vay tài sản và thời điểm chị Bùi Thị Th khởi kiện, bị đơn chị Vũ Thị Kim D có địa chỉ cư trú tại số nhà 28, ngõ 6, phố Đ, phường NB, thành phố NB, tỉnh NB. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố NB, tỉnh NB theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Chị Vũ Thị Kim D và anh Nguyễn Minh L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập đến phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa nhưng chị D, anh L vắng mặt không có lý do. Anh Phạm Văn H vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền là chị Bùi Thị Th có mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố NB tiến hành xét xử vắng mặt chị D, anh L, anh H là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Ngày 4/7/2021, chị Bùi Thị Th và chị Vũ Thị Kim D thỏa thuận về việc chị Th cho chị D vay số tiền 460.000.000 đồng, mục đích để kinh doanh, mua ô tô và đồ dùng cá nhân, thời hạn vay là 1 tuần. Thỏa thuận vay tiền được thể hiện tại Giấy vay vốn làm ăn đề ngày 5/7/2021 có chữ ký của chị Th, chị D và người làm chứng là anh Lê Xuân H1. Khi thỏa thuận chị D, chị Th đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện giao kết, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng đã phát sinh hiệu lực pháp luật, có giá trị thi hành đối với các bên giao kết.

[2.2] Thực hiện thỏa thuận tại giấy vay vốn làm ăn, sáng ngày 5/7/2021, chị Th đã yêu cầu anh H1 chuyển số tiền chị Th cho chị D vay vào tài khoản của chị D tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh NB, phòng giao dịch

Đồng Đô (Sau đây viết tắt là Ngân hàng BIDV). Anh H1 đã chuyển tiền vào tài khoản của chị D hai lần tổng số tiền là 460.000.000 đồng. Việc anh H1 chuyển tiền vào tài khoản của chị D tại ngân hàng BIDV được thể hiện ở nội dung sao kê tài khoản khách hàng tại tài khoản số 4831.0000.729925 của anh Lê Xuân H1 và tài khoản số 1201.000.5959767 của chị Vũ Thị Kim D do Ngân hàng BIDV cung cấp. Như vậy, chị Th đã thực hiện đầy đủ cam kết tại thỏa thuận vay, đã giao cho chị D số tiền vay 460.000.000 đồng vào ngày 5/7/2021. Sau khi nhận tiền, chị D đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng thời hạn đã cam kết, thanh toán trong thời hạn một tuần từ ngày vay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự, chị Th khởi kiện yêu cầu chị D phải trả số tiền nợ gốc 460.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3] Tại Giấy vay vốn làm ăn đề ngày 5/7/2021 chị Th và chị D không thỏa thuận lãi xuất vay, tài sản thế chấp. Theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự, trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác. Theo lời khai của chị Th xác định hai bên vay không có lãi, ngoài thỏa thuận tại giấy vay vốn làm ăn, chị Th và chị D không có thỏa thuận nào khác về lãi suất. Chị D vi phạm nghĩa vụ trả tiền khi đến hạn, chị Th yêu cầu chị D phải trả lãi với mức lãi suất 10% là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Chị Th, chị D thỏa thuận thời hạn vay là 01 tuần, thời hạn vay được xác định kể từ ngày vay 05/7/2021, ngày đến hạn trả nợ là ngày 13/7/2021. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Th yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 14/7/2021 là có lợi cho chị D và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Xác định từ ngày 14/7/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 21/6/2022 là 343 ngày. Số tiền lãi chị D phải trả bằng:  $460.000.000 \text{ đồng} \times 0,027397\%/\text{ngày} \times 343 \text{ ngày} = 43.227.000 \text{ đồng}$ .

[2.4] Số tiền 460.000.000 đồng chị Th cho chị D vay là tài sản chung của vợ chồng chị Bùi Thị Th và anh Phạm Văn H, chị D phải có trách nhiệm trả cho chị Th và anh H.

Từ nhận định trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th, buộc chị D phải trả cho chị Th, anh H số tiền nợ gốc là 460.000.000 đồng và số tiền lãi là 43.227.000 đồng, tổng số tiền chị D phải trả là 503.227.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự số tiền là 24.129.000 đồng.

Chị Bùi Thị Th không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 463, Điều 466, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Th, buộc chị Vũ Thị Kim D phải trả cho chị Bùi Thị Th và anh Phạm Văn H số tiền 503.227.000 (Năm trăm linh ba triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 460.000.000 (Bốn trăm sáu mươi triệu) đồng, nợ lãi là 43.227.000 (Bốn mươi ba triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn) đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Vũ Thị Kim D phải nộp số tiền 24.129.000 (Hai mươi bốn triệu một trăm hai mươi chín nghìn) đồng.

- Chị Bùi Thị Th không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 11.200.000 (Mười một triệu hai trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0000703 ngày 15 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố NB.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị*

*cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh NB;
- VKSND thành phố NB;
- Chi cục THADS thành phố NB;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
Phạm Diệu Oanh  
(Đã ký)**